

Mẫu số 01-B

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
GLOBAL PACIFIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 07/2026/CBTT-PCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific

- Mã chứng khoán: PCT.
- Địa chỉ: Phòng 2-3, Tầng 10, Riverfront Financial Centre, 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: (84.28) 62582330 Fax: (84.28) 62582334
- Email: info.pct@tanker.com.vn Website: www.pct.com.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC kiểm toán năm 2025.
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 31/3/2026 tại đường dẫn: www.pct.com.vn.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025:

- Nội dung giao dịch: Thanh toán đợt 1 giao dịch đóng mới 4 tàu chở dầu/hóa chất.
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): 37%
- Ngày hoàn thành giao dịch: 16/5/2025

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán năm 2025.

Đại diện tổ chức
Người UOCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Diệu Hoa

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
GLOBAL PACIFIC**

Số: 14 /PCT-TCKT

V/v: Công bố Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 và Giải trình chênh lệch LNST so với cùng kỳ năm ngoái

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific
2. Mã chứng khoán: PCT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 2-3, Tầng 10, Riverfront Financial Centre, 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 028.62582330 Fax: 028.62582334
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Giám đốc
6. Nội dung công bố thông tin:
 - * Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 (đính kèm).
 - * Nội dung Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 (trên 10%) như sau:

Nội dung	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch	
			(VND)	(%)
Doanh thu thuần	734.587.710.190	540.056.890.013	194.530.820.177	36%
Lợi nhuận sau thuế	55.346.024.284	87.786.522.552	(32.440.498.268)	(37%)

Nguyên nhân chủ yếu làm cho doanh thu tăng 36%, lợi nhuận sau thuế giảm 37% so với năm 2024 là:

- Doanh thu thuần năm 2025 tăng 36% so với năm 2024 chủ yếu do tháng 01/2025, Công ty đã đầu tư thêm 01 tàu (tàu số 5), nâng tổng số tàu sở hữu lên 05 tàu. Việc gia tăng quy mô đội tàu giúp nâng cao năng lực vận chuyển, qua đó làm tăng doanh thu.
- Mặc dù doanh thu năm 2025 tăng trưởng, lợi nhuận sau thuế giảm so với năm trước chủ yếu do thị trường vận tải biển chịu ảnh hưởng tiêu cực từ tình hình căng thẳng địa chính trị, các rủi ro an ninh hàng hải gia tăng đã làm gián đoạn một số tuyến vận tải quốc tế, đồng thời kéo theo chi phí bảo hiểm, nhiên liệu và chi phí vận hành tàu tăng cao, dẫn đến biên lợi nhuận bị thu hẹp.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.pct.com.vn>
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN
GLOBAL PACIFIC
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thanh Huyền



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Phòng 2-3, Tầng 10, Riverfront Financial Centre

3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Phòng 2-3, Tầng 10, Riverfront Financial Centre

3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trung Quốc

Ông Lê Anh Nam

Ông Đặng Nguyên Đăng

Ông Trần Xuân Trường

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Ông Võ Ngọc Phụng

Chủ tịch

Thành viên độc lập

Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2025)

Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2025)

Thành viên

Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2025)

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Ông Võ Ngọc Phụng

Ông Đoàn Nguyên Sơn

Ông Hoàng Anh Quân

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025)

Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025)

Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2025)

Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2025)

Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Chu Thị Mai Hương

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy

Bà Vương Thị Thu Thủy

Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2025)

Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2025)

Thành viên

Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2025
và miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2025)

Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2025)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Số: 0424 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính liên quan đến việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 27 tháng 3 năm 2026
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Hoàng Quốc Trí
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4773-2024-001-1



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Phòng 2-3, Tầng 10, Riverfront Financial Centre
3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.151.406.425	403.056.652.360
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.938.508.375	23.172.556.710
1. Tiền	111	5	10.938.508.375	23.172.556.710
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.305.680.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	32.305.680.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.182.347.834	253.009.326.139
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	54.118.667.603	52.304.305.824
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	21.986.527.458	225.494.324.253
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	18.644.895.471	9.778.438.760
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(34.567.742.698)	(34.567.742.698)
IV. Hàng tồn kho	140		20.694.797.586	11.734.878.250
1. Hàng tồn kho	141	11	20.694.797.586	11.734.878.250
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.030.072.630	115.139.891.261
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	2.500.145.723	11.035.304.003
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13	19.525.673.292	104.104.487.258
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	4.253.615	100.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.899.675.615.801	1.495.682.542.916
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		931.657.750.000	2.200.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	929.457.750.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	2.200.000.000	2.200.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.865.702.605.014	1.454.379.201.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.865.702.605.014	1.454.379.201.348
- Nguyên giá	222		2.338.792.034.755	1.705.015.090.810
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(473.089.429.741)	(250.635.889.462)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		36.978.741.095	64.928.238
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	36.978.741.095	64.928.238
IV. Tài sản dài hạn khác	260		65.336.519.692	39.038.413.330
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	64.515.464.742	38.516.903.366
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	821.054.950	521.509.964
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.045.827.022.226	1.898.739.195.276

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.334.141.728.205	1.238.388.464.637
I. Nợ ngắn hạn	310		436.401.026.005	288.723.375.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	64.942.325.428	33.274.850.892
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		136.855.360	54.677.176
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	10.095.675.745	20.628.543.978
4. Phải trả người lao động	314		12.974.153.322	11.591.585.791
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	12.039.510.453	4.883.536.729
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		8.118.055.260	1.615.407.113
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.165.690.237	1.719.954.620
8. Vay ngắn hạn	320	20	322.250.878.150	214.262.267.640
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	3.677.882.050	692.551.208
II. Nợ dài hạn	330		1.897.740.702.200	949.665.089.490
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	232.462.450.000	-
2. Vay dài hạn	338	20	1.665.278.252.200	949.665.089.490
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		711.685.294.021	660.350.730.639
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	711.685.294.021	660.350.730.639
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.354.930.000	500.354.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.354.930.000	500.354.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(288.400.000)	(288.400.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		69.839.178.790	69.839.178.790
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.918.499.046	1.918.499.046
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		139.861.086.185	88.526.522.803
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		84.515.061.901	740.000.251
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		55.346.024.284	87.786.522.552
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.045.827.022.226	1.898.739.195.276



Trần Thị Thanh Thảo
Người lập biểu



Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	734.587.710.190	540.056.890.013
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		734.587.710.190	540.056.890.013
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	526.863.386.922	337.616.869.782
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		207.724.323.268	202.440.020.231
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	9.189.049.296	5.134.959.455
6. Chi phí tài chính	22	29	111.158.080.746	74.589.960.105
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		105.857.119.767	72.734.156.475
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	36.204.204.746	23.210.159.578
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		69.551.087.072	109.774.860.003
9. Thu nhập khác	31		97.399.251	338.349.498
10. Chi phí khác	32		221.806.572	49.076.825
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(124.407.321)	289.272.673
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		69.426.679.751	110.064.132.676
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	14.380.200.453	21.442.897.958
14. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	(299.544.986)	834.712.166
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		55.346.024.284	87.786.522.552
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.062	1.684
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	965	1.531

Thanh

Thanh Chi



Trần Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

1101/511/1/1311

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	69.426.679.751	110.064.132.676
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	223.685.358.461	153.059.821.788
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(120.924.097)	82.255.599
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.005.919.053)	(1.004.068.835)
Chi phí lãi vay	06	105.857.119.767	72.734.156.475
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	397.842.314.829	334.936.297.703
Thay đổi các khoản phải thu	09	70.905.761.026	4.122.256.743
Thay đổi hàng tồn kho	10	(8.959.919.336)	(6.527.752.997)
Thay đổi các khoản phải trả	11	278.077.185.980	43.257.348.799
Thay đổi chi phí trả trước	12	(17.463.403.096)	(40.999.129.694)
Tiền lãi vay đã trả	14	(104.452.583.646)	(71.798.323.708)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.727.422.666)	(4.674.282.742)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.026.130.060)	(2.575.006.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	590.195.803.031	255.741.407.484
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.393.895.024.984)	(780.591.029.856)
2. Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(32.305.680.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	156.527.683	1.053.145.660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.426.044.177.301)	(779.537.884.196)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.795.972.352.258	669.110.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(972.370.579.038)	(154.526.571.432)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	823.601.773.220	514.583.428.568
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(12.246.601.050)	(9.213.048.144)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	23.172.556.710	32.387.160.779
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	12.552.715	(1.555.925)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	10.938.508.375	23.172.556.710

Thanh

Chi



Trần Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Global Pacific (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 04 tháng 6 năm 2007. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 20 ngày 16 tháng 11 năm 2018 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Khí và Hóa Chất Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 27, ngày 25 tháng 3 năm 2024, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Global Pacific. Hiện nay, Công ty đang hoạt động với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 thay đổi lần thứ 31 ngày 11 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 12 tháng 9 năm 2011, với mã chứng khoán là PCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 184 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 183 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê tàu biển, tư vấn quản lý tàu biển và mua bán hàng hóa khí hóa lỏng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200 và,
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11
Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	03 - 08

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của Phương tiện vận tải, truyền dẫn của Công ty là tàu Windsor từ 7 năm lên 11 năm, bắt đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của phương tiện này. Chi tiết của việc thay đổi thời gian hữu dụng được trình bày ở Thuyết minh 14.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

2025
+ / -
HH
E
MI

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đi vay để đầu tư xây dựng tài sản, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và phản ánh tình hình quyết toán chi phí sửa chữa tàu định kỳ. Các chi phí đi vay được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các chi phí liên quan đến sửa chữa tàu định kỳ sẽ được chuyển sang chi phí trả trước và phân bổ từ thời điểm hoàn thành sửa chữa cho đến thời điểm sửa chữa tàu định kỳ tiếp theo.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm bao gồm các khoản phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, kiểm tra tàu và sửa chữa định kỳ tàu, phí thuê văn phòng, công cụ dụng cụ và các khoản phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Đối với tài sản cố định là tàu vận tải thì việc sửa chữa lớn sẽ mang tính chất định kỳ, bao gồm các chi phí sửa chữa và duy tu tàu theo yêu cầu kỹ thuật nhằm khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của tàu. Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ sẽ được ghi nhận khi thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ ngày phát sinh đến kỳ sửa chữa tiếp theo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho dịch vụ vận tải chưa được chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác nếu có sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

150
IN
GT
M
LO
:ET
HO

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	34.938.651	279.105.188
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.903.569.724	22.893.451.522
	10.938.508.375	23.172.556.710

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm sẽ đáo hạn trong 2026 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và Ngân Hàng TNHH MTV Woori Việt Nam với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,9%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã sử dụng một số khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng cho vay hạn mức tại ngân hàng này với số tiền là 4.000.000.000 đồng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Maersk Tankers A/S	21.175.738.310	25.090.116.102
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.017.952.005	15.017.952.005
Các khách hàng khác	17.820.461.158	12.196.237.717
b. Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	104.516.130	-
	54.118.667.603	52.304.305.824

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương	-	207.485.300.000
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	13.381.028.500
Khác	8.605.498.958	4.627.995.753
	21.986.527.458	225.494.324.253
b. Dài hạn		
Wuhu Shipyard Co., Ltd. (*)	929.457.750.000	-

(*) Trong năm, Công ty đã ứng trước cho nhà cung cấp với tổng số tiền là 35.560.000 Đô la Mỹ (tương đương 929.457.750.000 Đồng) để thực hiện đóng 04 chở dầu/hóa chất có tải trọng khoảng 25.900 DWT mỗi tàu. Công ty đã nhận được bảo lãnh từ Ngân hàng Industrial Bank Co., Ltd Wuhu Branch cho hợp đồng giao dịch với Wuhu Shipyard Co., Ltd.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu từ các công ty bảo hiểm (*)	4.803.494.192	6.187.916.234
Tạm ứng cho nhân viên	5.623.987.640	1.670.994.567
Các khoản ký quỹ ngắn hạn (**)	6.808.095.760	317.696.760
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.409.317.879	1.601.831.199
	18.644.895.471	9.778.438.760
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ dài hạn	2.200.000.000	2.200.000.000

(*) Đây là các khoản phải thu bồi thường bảo hiểm cho các chi phí sửa chữa liên quan đến các sự cố tàu. Tại ngày lập báo cáo, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục, hồ sơ để thu hồi lại các khoản bồi thường này từ các công ty bảo hiểm.

(**) Đây là khoản ký quỹ thực hiện hợp đồng của Công ty cho đơn vị vận hành theo thỏa thuận "Pool" với Maersk Tankers A/S.

10. NỢ KHÓ ĐÒI

	Số đầu năm và số cuối năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu khách hàng			
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.017.952.005	532.961.224	14.484.990.781
Công ty TNHH TMDV Khí đốt Nam Việt	3.621.148.541	-	3.621.148.541
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.137.576.627	66.057.751	3.071.518.876
Các khoản trả trước cho người bán			
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	-	13.381.028.500
Các khoản phải thu khác			
	9.056.000	-	9.056.000
	35.166.761.673	599.018.975	34.567.742.698

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.855.694.273	7.711.616.840
Công cụ, dụng cụ	4.833.987.573	4.023.261.410
Hàng hóa	5.115.740	-
	20.694.797.586	11.734.878.250

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phí thuê văn phòng	-	8.507.065.933
Phí bảo hiểm	2.168.935.903	1.745.703.744
Chi phí ấn phẩm hàng hải, hải đồ điện tử	331.209.820	782.534.326
	2.500.145.723	11.035.304.003
b. Dài hạn		
Phí đăng kiểm, kiểm tra và sửa chữa định kỳ	50.094.290.599	34.079.470.299
Chi phí tư vấn tài chính	3.089.899.994	3.651.699.999
Chi phí bảo lãnh hợp đồng	5.082.744.337	-
Công cụ, dụng cụ	601.440.000	785.733.068
Khác	5.647.089.812	-
	64.515.464.742	38.516.903.366

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

Các khoản phải thu	Số đầu năm	Số tăng thuần trong năm	Số đã hoàn trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (*)	104.104.487.258	4.462.000.504	89.040.814.470	19.525.673.292
Khác	100.000	4.153.615	-	4.253.615
	104.104.587.258	4.466.154.119	89.040.814.470	19.529.926.907

(*) Đây là thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh từ các giao dịch mua sắm tài sản và chi phí hoạt động kinh doanh, các khoản này sẽ được hoàn lại hoặc khấu trừ với nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng đầu ra phải trả phát sinh trong tương lai.

Trong năm, Công ty đã nộp hồ sơ và nhận được khoản hoàn thuế với số tiền là 89.040.814.470 đồng.

Các khoản phải trả	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	293.141.467	293.141.467	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	200.488.002	200.488.002	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.442.897.958	14.380.200.453	24.727.422.666	10.095.675.745
Thuế thu nhập cá nhân	185.646.020	1.088.512.477	1.274.158.497	-
Khác	-	309.074.114	309.074.114	-
	20.628.543.978	16.271.416.513	26.804.284.746	10.095.675.745

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	623.873.636	1.703.552.931.823	838.285.351	1.705.015.090.810
Tăng trong năm	-	634.967.762.127	41.000.000	635.008.762.127
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.231.818.182)	-	(1.231.818.182)
Số dư cuối năm	623.873.636	2.337.288.875.768	879.285.351	2.338.792.034.755
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu năm	413.573.799	249.721.643.379	500.672.284	250.635.889.462
Khấu hao trong năm	-	223.493.299.875	192.058.586	223.685.358.461
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.231.818.182)	-	(1.231.818.182)
Số dư cuối năm	413.573.799	471.983.125.072	692.730.870	473.089.429.741
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	210.299.837	1.453.831.288.444	337.613.067	1.454.379.201.348
Tại ngày cuối năm	210.299.837	1.865.305.750.696	186.554.481	1.865.702.605.014

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp các tài sản:

- Tàu vận tải Goby có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 243.242.578.696 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 274.294.822.792 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 01 năm 2025.
- Tàu vận tải Orion có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 305.800.842.611 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 343.897.933.523 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 01 năm 2025.
- Tàu vận tải Loyal có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 252.878.198.227 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 298.169.815.819 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 01 năm 2025.
- Tàu vận tải Windsor có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 482.585.854.545 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 533.184.633.525 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng thế chấp ngày 31 tháng 7 năm 2024.
- Tàu vận tải Artemis có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 577.309.932.886 để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 01 năm 2025.
- Xe Toyota có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.824.387.481 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.385.737.485 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tài chính Toyota Việt Nam.

Các phương tiện vận tải trên có tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là 2.333.230.103.042 đồng và 1.863.641.794.446 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 1.698.359.840.915 đồng và 1.451.932.943.144 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.880.861.576 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.846.507.031 đồng).

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty là tàu Windsor từ 7 năm sang 11 năm, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của phương tiện này. Nếu thời gian hữu dụng trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm sẽ tăng với số tiền là 30.957.423.192 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ giảm với số tiền tương ứng.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là chi phí phát sinh liên quan đến việc đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất mỗi tàu có tải trọng khoảng 25.900 DWT.

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm:

	Chi phí lãi vay VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Chi phí phải trả VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	1.327.112.804	-	29.109.326	1.356.222.130
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(1.327.112.804)	-	492.400.638	(834.712.166)
Số dư đầu năm	-	-	521.509.964	521.509.964
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-	(30.516.743)	330.061.729	299.544.986
Số dư cuối năm	-	(30.516.743)	851.571.693	821.054.950

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát	6.713.050.526	7.428.656.400
Công ty Cổ phần Hàng hải Liên Minh	6.381.615.857	2.443.063.309
Công ty Cổ phần Thương mại Minh Dũng	4.440.693.338	1.962.458.089
Khác	46.897.365.249	21.440.673.094
b. Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	509.600.458	-
	64.942.325.428	33.274.850.892

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa và vận hành tàu	7.210.274.491	1.834.844.988
Chi phí lãi vay	3.511.277.600	2.106.741.479
Khác	1.317.958.362	941.950.262
	12.039.510.453	4.883.536.729

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	182.990.470	69.502.527
Các khoản ký quỹ	937.058.585	937.058.585
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.045.641.182	713.393.508
	2.165.690.237	1.719.954.620
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ (*) (Thuyết minh số 34)	232.462.450.000	-

(*) Đây là khoản ký quỹ từ Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, bên liên quan, để thuê 02 tàu chở dầu/hóa chất đóng mới có tải trọng mỗi tàu khoảng 25.900 DWT. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, các tàu vẫn đang trong quá trình đóng mới. Công ty đã mở bảo lãnh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong để đảm bảo cho khoản phải trả này.



20. VAY

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	VND	Giá trị	VND	Thanh toán	VND	Giá trị
Vay ngắn hạn	-	-	11.712.152.258	-	11.712.152.258	
Vay dài hạn đến hạn trả	214.262.267.640		-	(453.029.600.955)	310.538.725.892	
Vay dài hạn	949.665.089.490		549.306.059.207	(519.340.978.083)	1.665.278.252.200	
	1.163.927.357.130		1.795.972.352.258	(972.370.579.038)	1.987.529.130.350	

Chi tiết số dư các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (i)	11.712.152.258	-
b. Vay dài hạn đến hạn trả		
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (ii)	422.571.432	422.571.432
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh (iii)	250.380.458.252	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông (iv)	59.735.696.208	59.735.696.208
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn (v)	-	154.104.000.000
	310.538.725.892	214.262.267.640
c. Vay dài hạn		
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (ii)	528.214.266	950.785.698
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh (iii)	1.295.112.408.433	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông (iv)	273.788.607.584	333.524.303.792
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn (v)	-	339.340.000.000
Ông Lương Đức Tuấn (vi)	95.849.021.917	165.850.000.000
Bà Lương Diệu Linh	-	110.000.000.000
	1.665.278.252.200	949.665.089.490

- (i) Vay ngắn hạn tại Ngân Hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số VN125009886/WBVN201 ngày 09 tháng 12 năm 2025 để bổ sung vốn lưu động với hạn mức 30 tỷ đồng có thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 07 tháng 12 năm 2026 và có lãi suất từ 5,5%/năm đến 5,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty tại ngân hàng này (Thuyết minh số 5) và được bảo lãnh bởi ông Đặng Nguyễn Đăng, cổ đông lớn. Số tiền vay được hoàn trả vào cuối thời hạn vay.
- (ii) Vay Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1000576636 ngày 17 tháng 3 năm 2021 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất ban đầu là 6,99%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo từ bên cho vay, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty là xe Toyota (xem Thuyết minh số 14).
- (iii) Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 274242.25.151.1108803 ngày 13 tháng 01 năm 2025 để tài trợ và bù đắp cho chi phí mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8,2%/năm (áp dụng trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần. Số tiền gốc vay được hoàn trả theo lịch thanh toán nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Goby, tàu Orion và tàu Loyal (xem Thuyết minh số 14).
 - Hợp đồng tín dụng số 271098.24.151.1108803.TD ngày 02 tháng 01 năm 2025 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8,2%/năm (áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả vào ngày 10 hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 10 tháng 02 năm 2025. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Artemis (xem Thuyết minh số 14).
 - Hợp đồng tín dụng số 301281.25.151.1108803.TD ngày 14 tháng 5 năm 2025 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8,2%/năm (áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả theo lịch trả nợ hằng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp 4 tàu chở dầu/hóa chất đang trong quá trình đóng mới có trọng tải mỗi tàu là 25.900 DWT.
- (iv) Vay Ngân hàng thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng số 0076/2024/HĐTD-OCB-DN ngày 27 tháng 6 năm 2024 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8%/năm (cố định trong 12 tháng đầu), được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo từ bên cho vay, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2024. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 1 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Windsor (xem thuyết minh số 14).
- (v) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng để mua sắm phương tiện vận tải. Trong năm, Công ty đã tất toán sớm các khoản nợ này.
- (vi) Các khoản vay với Ông Lương Đức Tuấn bao gồm Hợp đồng vay tiền số 109/2024/PCT-LDT ngày 19 tháng 09 năm 2024 với mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất 9,4%/năm, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2024. Theo hợp đồng, 20% số tiền vay được hoàn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày giải ngân và 80% khoản vay còn lại được trả vào cuối kỳ hoặc có thỏa thuận khác. Trong năm 2025, Công ty đã nhận được thông báo của ông Lương Đức Tuấn về việc không tính lãi suất của hợp đồng vay này cho đến khi có thỏa thuận khác. Hợp đồng vay tiền số 111/2024/PCT-LDT ngày 24 tháng 12 năm 2024 với mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất 9,4%/năm đối với năm đầu tiên, năm tiếp theo điều chỉnh lãi suất định kỳ 6 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2024. Trong năm 2025, Công ty đã thanh toán một phần gốc vay của hợp đồng này cho ông Lương Đức Tuấn. Khoản vay còn lại sẽ được trả vào cuối kỳ hoặc khi có thỏa thuận khác.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	310.538.725.892	214.262.267.640
Trong năm thứ hai	307.041.981.898	949.665.089.490
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	549.580.722.434	-
Sau năm năm	808.655.547.868	-
	1.975.816.978.092	1.163.927.357.130
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	(310.538.725.892)	(214.262.267.640)
Số phải trả sau 12 tháng	1.665.278.252.200	949.665.089.490

21. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Số đầu năm VND	Trích lập từ lợi nhuận trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	Số cuối năm VND
Quỹ khen thưởng	264.616.764	1.700.000.000	68.000.000	1.896.616.764
Quỹ phúc lợi	427.934.444	1.811.460.902	458.130.060	1.781.265.286
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	500.000.000	500.000.000	-
Cộng	692.551.208	4.011.460.902	1.026.130.060	3.677.882.050

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	50.035.493	500.354.930.000	50.035.493	500.354.930.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	50.035.493	500.354.930.000	50.035.493	500.354.930.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ phần sở hữu của các cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)
Ông Đỗ Anh Việt	-	0,00	0,00	132.960.000.000	26,57	26,57
Bà Trần Thị Thu Hà	111.552.800.000	22,29	22,29	111.552.800.000	22,29	22,29
Ông Trần Vọng Phúc	110.730.520.000	22,13	22,13	110.730.520.000	22,13	22,13
Ông Cao Đức Sơn	117.882.800.000	23,56	23,56	92.862.800.000	18,56	18,56
Ông Đặng Nguyên Đăng	107.940.000.000	21,57	21,57	-	-	-
Các cổ đông khác	52.248.810.000	10,44	10,44	52.248.810.000	10,44	10,44
	500.354.930.000	100,00	100,00	500.354.930.000	100,00	100,00

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư và phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	500.354.930.000	(223.600.000)	839.178.790	1.918.499.046	72.880.683.447	575.769.691.283						
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	87.786.522.552	87.786.522.552						
Lợi nhuận trong năm	-	-	69.000.000.000	-	(69.000.000.000)	-						
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.640.683.196)	(2.640.683.196)						
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)						
Khác	-	(64.800.000)	-	-	-	-						(64.800.000)
Số dư cuối năm trước	500.354.930.000	(288.400.000)	69.839.178.790	1.918.499.046	88.526.522.803	660.350.730.639						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	55.346.024.284	55.346.024.284						
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(3.511.460.902)	(3.511.460.902)						
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (*)	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)						
Số dư cuối năm này	500.354.930.000	(288.400.000)	69.839.178.790	1.918.499.046	139.861.086.185	711.685.294.021						

(*) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành của Công ty với số tiền lần lượt là 3.511.460.902 đồng, và 500.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Trong năm, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 50.035.493.000 đồng. Đến ngày 27 tháng 10 năm 2025, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 02/2025/NQ-PCT-ĐHCD, Công ty đã tạm hoãn việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đến hết Quý 2 năm 2026.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 02/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 27 tháng 10 năm 2025, Công ty quyết định ngừng phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trước đó và đổi thành phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán là 30.000.000 cổ phiếu tương ứng với số tiền theo mệnh giá là 300.000.000.000 đồng. Theo đó, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán số 80/2025/PCT-GDK ngày 23 tháng 12 năm 2025. Ngày 16 tháng 01 năm 2026, Công ty đã nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp nhận Hồ sơ đăng ký chào bán nói trên và đề nghị Công ty công bố thông tin và thực hiện theo quy định tại điều 48 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020. Công ty đang thực hiện việc chào bán cổ phiếu, gửi thông báo và yêu cầu chuẩn bị góp vốn đến các cổ đông theo Phương án tăng vốn.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	178.961	672.099,36
Euro ("EUR")	796,76	160,96

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Long Tân	643.278.863	643.278.863
Tạm ứng của lái xe Taxi đội 1	406.826.607	406.826.607
Tạm ứng mua nhiên liệu cho lái xe Taxi	584.972.173	584.972.173
Các đối tượng khác	1.270.557.482	1.270.557.482
	2.905.635.125	2.905.635.125

Các khoản nợ phải thu trên đã được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo Quyết định số 253/QĐ-PCT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Công ty.

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý tàu và Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý tàu.
- Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

31/12/2025	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	10.612.489.639	2.813.817.011.200	7.703.720.664	2.832.133.221.503
Tài sản không phân bổ				213.693.800.723
Tổng Tài sản				3.045.827.022.226
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận		- 2.125.760.319.737		- 2.125.760.319.737
Nợ phải trả không phân bổ				208.381.408.468
Tổng Nợ phải trả				2.334.141.728.205

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

31/12/2024	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	10.456.714.185	1.476.373.818.520	1.327.508.641	1.488.158.041.346
Tài sản không phân bổ				410.581.153.930
Tổng Tài sản				<u>1.898.739.195.276</u>
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	-	903.400.313.639	-	903.400.313.639
Nợ phải trả không phân bổ				334.988.150.998
Tổng Nợ phải trả				<u>1.238.388.464.637</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.432.011.035	696.148.187.634	20.007.511.521	734.587.710.190
Giá vốn	(18.115.612.814)	(496.595.337.657)	(12.152.436.451)	(526.863.386.922)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	316.398.221	199.552.849.977	7.855.075.070	207.724.323.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(36.204.204.746)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				171.520.118.522
Doanh thu hoạt động tài chính				9.189.049.296
Chi phí tài chính				(111.158.080.746)
Lợi nhuận khác				(124.407.321)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				69.426.679.751
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(14.380.200.453)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				299.544.986
Lợi nhuận trong năm				<u>55.346.024.284</u>
Thông tin khác				
Khấu hao				<u>223.685.358.461</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024	Thương mại và dịch vụ khác	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.996.005.250	498.200.884.763	32.860.000.000	540.056.890.013
Giá vốn	(8.836.210.699)	(310.874.181.342)	(17.906.477.741)	(337.616.869.782)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.794.551	187.326.703.421	14.953.522.259	202.440.020.231
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(23.210.159.578)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				179.229.860.653
Doanh thu hoạt động tài chính				5.134.959.455
Chi phí tài chính				(74.589.960.105)
Lợi nhuận khác				289.272.673
Lợi nhuận kế toán trước thuế				110.064.132.676
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(21.442.897.958)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(834.712.166)
Lợi nhuận trong năm				87.786.522.552
Thông tin khác				
Khấu hao				153.059.821.788

Bộ phận theo khu vực địa lý

Về mặt địa lý, doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý tàu, bán hàng thương mại và dịch vụ khác toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam (trình bày tại Thuyết minh số 25 và 26), trong khi doanh thu dịch vụ vận tải được thực hiện ở quốc tế.

Chi tiết doanh thu và giá vốn theo khu vực địa lý như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu theo khu vực địa lý		
Doanh thu quốc tế	696.148.187.634	506.759.253.648
Doanh thu nội địa	38.439.522.556	33.297.636.365
	734.587.710.190	540.056.890.013
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn theo khu vực địa lý		
Giá vốn quốc tế	496.595.337.657	319.517.457.365
Giá vốn nội địa	30.268.049.265	18.099.412.417
	526.863.386.922	337.616.869.782

Do đặc thù kinh doanh vận tải bằng tàu biển, tàu biển có thể vừa chạy tuyến nội địa, vừa chạy tuyến quốc tế nên Ban Giám đốc không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu dịch vụ vận tải	696.148.187.634	498.200.884.763
Doanh thu dịch vụ tư vấn quản lý tàu	20.007.511.521	32.860.000.000
Doanh thu bán hàng thương mại và dịch vụ khác	18.432.011.035	8.996.005.250
	734.587.710.190	540.056.890.013

26. GIÁ VỐN HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	496.595.337.657	310.874.181.342
Giá vốn dịch vụ tư vấn quản lý tàu	12.152.436.451	17.906.477.741
Giá vốn bán hàng thương mại và dịch vụ khác	18.115.612.814	8.836.210.699
	526.863.386.922	337.616.869.782

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.259.588.766	24.140.104.501
Chi phí nhân công	91.365.653.661	77.943.356.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	223.685.358.461	153.059.821.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.743.990.780	105.383.246.233
Chi phí khác bằng tiền	13.000.000	300.500.000
	563.067.591.668	360.827.029.360

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.005.919.053	35.423.308
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.183.128.435	4.081.813.795
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.808	1.017.722.352
	9.189.049.296	5.134.959.455

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	105.857.119.767	72.734.156.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.599.237.884	1.451.307.628
Chi phí tài chính khác	2.701.723.095	404.496.002
	111.158.080.746	74.589.960.105

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với số tiền là 35.744.809.007 vào giá trị Chi phí xây dựng dở dang dài hạn liên quan đến việc đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất (Thuyết minh số 15)

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.453.068	149.150.425
Chi phí cho nhân viên	12.487.454.877	4.626.439.298
Chi phí khấu hao tài sản cố định	982.646.090	717.152.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.708.650.711	17.416.916.992
Chi phí khác	13.000.000	300.500.000
	36.204.204.746	23.210.159.578

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	69.426.679.751	110.064.132.676
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng</i>	5.047.899.682	3.973.674.683
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</i>	2.905.680.165	6.823.317.575
Thu nhập tính thuế	71.568.899.268	107.214.489.784
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.313.779.854	21.442.897.958
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	66.420.599	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.380.200.453	21.442.897.958

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

32. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	55.346.024.284	87.786.522.552
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.213.840.971)	(3.511.460.902)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	53.132.183.313	84.275.061.650
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phần)	50.035.493	50.035.493
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.062	1.684

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế của năm tài chính như trên và số liệu ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 4% lợi nhuận sau thuế. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại do ảnh hưởng của số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

	<u>Số đã báo cáo</u> VND	<u>Thay đổi</u> VND	<u>Số trình bày lại</u> VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	87.786.522.552	-	87.786.522.552
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.145.056.579)	2.633.595.677	(3.511.460.902)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	81.641.465.973	2.633.595.677	84.275.061.650
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	50.035.493	-	50.035.493
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.632	53	1.684

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Đại hội đồng cổ đông của Công ty năm 2025 đã phê duyệt việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2024 với tỷ lệ là 10%. Theo đó, việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lợi nhuận:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	53.132.183.313	84.275.061.650

Số cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.035.493	50.035.493
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	5.003.549	5.003.549
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	55.039.042	55.039.042

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	53.132.183.313	84.275.061.650
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	55.039.042	55.039.042
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	965	1.531



25
 H N
 G M
 L
 T
 H

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	9.773.730.433	8.086.487.332

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Trong vòng một năm	8.409.170.000	6.681.572.543
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	19.616.394.000	29.773.058.000
	<u>28.025.564.000</u>	<u>36.454.630.543</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải thanh toán cho việc thuê văn phòng Công ty và các khoản thuê hoạt động khác. Hợp đồng thuê văn phòng được ký mới với thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 14 tháng 11 năm 2028.

Công ty là bên cho thuê:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	696.865.187.634	498.638.521.128

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Trong vòng một năm	702.657.081.079	509.260.210.005
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	900.915.355.177	1.308.364.200.000
	<u>1.603.572.436.256</u>	<u>1.817.624.410.005</u>

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền Công ty sẽ thu từ Seastar Maritime Co. Ltd và Maersk Tankers A/S từ việc cho thuê các tàu Loyal, Goby, Orion, Windsor và Artemis. Khoản ước tính này dựa trên đơn giá cho thuê tàu mới cập nhật tại thời điểm lập báo cáo và có thể thay đổi tùy theo tình hình thị trường.

Trong năm, Công ty đã ký kết hợp đồng cho thuê tàu trần với Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, bên liên quan, để cho thuê 2 tàu dầu/hóa chất đóng mới với thời hạn thuê là 10 năm bắt đầu từ thời điểm bàn giao tàu.

Cam kết đầu tư tài sản có giá trị lớn

Căn cứ theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-PCT-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có tải trọng mỗi tàu khoảng 25.900 DWT với giá trị đầu tư không vượt quá 48.155.800 Đô la Mỹ/tàu. Đến ngày 24 tháng 3 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết 01/2025/NQ-PCT-ĐHĐCĐ có nội dung phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư không vượt quá 47.987.800 Đô la Mỹ/tàu.

Theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-PCT-HĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc nhận chuyển nhượng 04 hợp đồng đóng mới từ Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương với giá đóng mới là 44.825.000 Đô la Mỹ/tàu để thực hiện phương án đầu tư đóng mới 04 tàu nêu trên. Tại ngày 26 tháng 02 năm 2025, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng nhận chuyển nhượng này với Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương và Wuhu Shipyard Co., Ltd.

Trong năm, Công ty đã ứng trước cho Wuhu Shipyard Co., Ltd. với tổng số tiền là 35.560.000 Đô la Mỹ (Thuyết minh số 8) để thực hiện hợp đồng.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đỗ Anh Việt	Cổ đông sở hữu 26,57% vốn góp đến ngày 13 tháng 5 năm 2025
Bà Trần Thị Thu Hà	Cổ đông sở hữu 22,29% vốn góp
Ông Trần Vọng Phúc	Cổ đông sở hữu 22,13% vốn góp
Ông Cao Đức Sơn	Cổ đông sở hữu 23,56% vốn góp
Ông Đặng Nguyễn Đăng	Cổ đông sở hữu 21,57% vốn góp từ ngày 13 tháng 5 năm 2025
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Công ty chung người quản lý
Công ty Cổ phần Nguồn lực Thuyền viên KPI	Công ty chung người quản lý
Công ty TNHH Vận Tải Biển Ocean Express	Công ty chung người quản lý

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	390.000.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Biển Ocean Express	96.774.194	-
	486.774.194	-
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Vận Tải Biển Ocean Express	240.802.080	-
Công ty Cổ phần Nguồn lực Thuyền viên KPI	1.531.810.703	-
	1.772.612.783	-
Nhận tiền đặt cọc		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	232.462.450.000	-



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Vận Tải Biển Ocean Express	104.516.130	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Nguồn lực Thuyền viên KPI	382.353.428	-
Công ty TNHH Vận Tải Biển Ocean Express	127.247.030	-
	509.600.458	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Trần Trung Quốc	132.031.312	70.000.000
Ông Lê Anh Nam	108.031.312	56.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	116.481.269	71.000.000
Ông Võ Ngọc Phụng	78.967.742	56.000.000
Ông Đặng Nguyễn Đăng	17.290.323	-
Ông Trần Xuân Trường	17.290.323	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	-	273.445.840
Ông Phạm Xuân Quang	-	56.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	-	15.000.000
Bà Lê Thị Mai	-	15.000.000
Ông Nguyễn Sơn Lâm	-	15.000.000
Ông Lê Hoàng Phương	-	6.000.000
	470.092.281	633.445.840
Ban Điều hành		
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	361.215.600	-
Ông Võ Ngọc Phụng	520.423.669	680.987.280
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	384.703.908	359.311.477
Ông Đoàn Nguyên Sơn	563.082.538	708.737.000
Ông Hoàng Anh Quân	151.366.248	179.844.000
Bà Lê Thanh Chi	683.198.990	482.254.495
Bà Lê Thị Mai	-	82.585.759
Ông Nguyễn Sơn Lâm	-	220.744.563
Ông Nguyễn Văn Kiều	-	111.103.545
Ông Phạm Xuân Quang	-	276.535.914
	2.663.990.953	3.102.104.033
Ban Kiểm soát		
Bà Chu Thị Mai Hương	66.548.312	21.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	69.726.615	221.306.880
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	48.031.313	21.000.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy	21.387.903	-
Bà Vương Thị Thu Thủy	6.483.871	-
Bà Đặng Thị Dung	8.505.871	10.000.000
Bà Đào Ngọc Mai	8.505.871	7.500.000
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	8.505.871	7.500.000
	237.695.627	288.306.880

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 3.511.277.600 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.106.741.479 đồng), là số tiền lãi phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm 929.457.750.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 207.485.300.000 đồng), là số tiền Công ty đã trả trước cho người bán liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong tương lai. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu từ cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm số tiền 849.391.370 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: không phát sinh), là số tiền trích trước lãi tiền gửi chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, Công ty đã nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp nhận Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đề nghị Công ty công bố thông tin và thực hiện theo Quy định tại Điều 48 Nghị định 155/2020/ND-CP. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang thực hiện việc chào bán cổ phiếu, gửi thông báo và yêu cầu chuẩn bị góp vốn đến các cổ đông theo Phương án tăng vốn. Đồng thời, các cổ đông đăng ký mua cổ phiếu riêng lẻ đang thực hiện việc góp vốn này.

Trần Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

T.C.P
M.





Văn phòng Hà Nội

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza,
16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7107 0000

Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 7101 4555

Website: www.deloitte.com/vn
Email: deloittevietnam@deloitte.com

© Deloitte Vietnam